

Ba ngày ở Siem Reap

Phạm Văn Bản

Lời nói đầu:

Rời thành phố Sài Gòn ồn ào ngày 14-11-2007, tôi đáp chuyến bay Air Vietnam qua Siem Reap, nơi có các đền đài Angkor Wat và Angkor Thom mà tôi hằng mơ ước được viếng thăm từ hơn 40 năm nay: không gì thích cho bằng là nay mình sẽ được tận mắt kiểm nghiệm những gì chỉ biết qua sách vở hoặc nghe nói.

Để tìm hiểu các chi tiết căn bản thông thường về Cambodge và các đền đài Siem Reap, người ta chỉ cần vào Internet, Google là thấy ngay. Vì vậy, tôi không viết các chi tiết "chiều lẹ" trong bài này nhưng nếu cần cho nội dung câu chuyện thì viết lướt qua.

Bài viết sẽ nêu ra quan điểm riêng về các đền đài ở Siem Reap, phong tục tập quán xưa và nay của Cambodge, một số nhận xét tại chỗ, nhưng điều có ý nghĩa thực tế có lẽ là xét đến các diễn biến lịch sử cận đại của Cambodge cùng mối tương quan giữa Cambodge với Việt Nam (gồm có miền Bắc VN chịu ảnh hưởng nặng nề của Trung quốc, miền Trung VN mà trước đây là Chiêm Thành chịu ảnh hưởng của Ấn Độ và miền Nam VN mà trước đây là Thủy Chân Lạp chịu ảnh hưởng của Ấn Độ), liệu có một đường hướng nào để quốc gia tiến lên hay không? Dĩ nhiên, chủ đề này quá rộng nên trong phạm vi nhỏ của bài viết, tôi sẽ cố gắng nêu ra các điểm chánh mà thôi. Ngoài ra, tôi cũng phải tự giới hạn mà không đề cập đến Thái Lan, Lào, Tây Tạng, Miến Điện và Mã Lai.

Sách sử Việt Nam thể hiện các quan điểm chứa đầy cảm tính mà gần đây nhất là từ triều Nguyễn Gia Long cho đến tận lúc này đây: người ta đã hoặc bóp méo, hoặc che dấu, hoặc phóng đại sự kiện lịch sử một cách tệ hại, thậm chí bất cần sự thật. Người ta chưa chịu gọi *con mèo bằng đúng cái tên của nó (appeler le chat par son nom*, ngôn ngữ Pháp). Người ta chạy trốn sự thật. **Quan điểm tự lừa dối mình** đã và đang di hại cho muôn đời, và chính vì **quan điểm** như thế nên tâm lý người Việt Nam rất khó cải thiện để học hỏi mà tiến lên và giao thiệp hòa bình với cộng đồng các quốc gia xa gần trên thế giới.

Hiểu biết chính xác về Cambodge, một quốc gia sát nách Việt Nam, là điều cần thiết để suy gẫm các sự thật, rồi từ đó mới có quan điểm hợp lý để thực sự xây dựng một cái gì đó cho Việt Nam, thay vì *gì cũng cười*.

California, 2/2008

Phạm Văn Bản

1. Tổng quát:

Trái với lịch sử lập quốc của các nước Âu Tây được xác định năm tháng rõ ràng, các nước Á châu thường giải thích nguồn gốc bằng một huyền thoại. Đã gọi là huyền thoại thì không sao kiểm chứng thực hư được; tuy nhiên có thể dùng đó mà lý giải một số phong tục, tập quán và dân tộc tính.

Ngày nay, người dân Cambodge¹ vẫn tin nhận rằng nguồn gốc của họ là do sự kết duyên vợ chồng giữa một người Ấn Độ Bà La Môn giáo, tên là Kaundinya (Preah Thaong) và công chúa rắn, tên là Neang Neak (Soma).

Theo truyền thuyết, vào thế kỷ I, Kaudinya rời Ấn Độ để mưu tìm một đời sống khá hơn sau khi nằm mơ thấy thần linh bảo đi lấy một mũi tên thần ở một đền nọ. Ông đến xứ của rắn (Nagas) và đánh bại công chúa Nagas nhưng không giết nếu công chúa chịu lấy ông làm chồng. Công chúa rắn tên là Neang Neak (Soma), con của vua Nagas, đồng ý lấy Kaudinya và tạo dựng ra nước Phù Nam. Vua rắn bèn rút nước đi, tạo thành đất liền coi như lễ vật mừng cho con gái. Kaudinya trở thành vua của xứ Nagas, Neang Neak là hoàng hậu, và dân Khmer là hậu duệ của họ.

Theo tài liệu thì Kang Tai, một viên sứ Trung quốc đến Phù Nam vào khoảng giữa thế kỷ III, ghi lại rằng Phù Nam do Kaundinya thành lập thể theo ý của một vị thần, đồng thời cũng được vị thần này cho một cây cung thần. Khi tàu của Kaundinya tới Phù Nam, cô công chúa địa phương muốn bắt giữ. Tuy nhiên, Kaundinya dùng tên bắn lại và buộc công chúa đầu hàng. Họ lấy nhau, và Kaundinya trở thành vua của Phù Nam.

Huyền thoại Kaundinya và Neang Neak tiêu biểu cho nguồn gốc của chủng tộc Khmer, phản ánh đúng sự kiện lịch sử về việc văn minh Khmer xuất phát từ sự kết hợp nền văn minh Ấn Độ với địa phương Phù Nam. Việc vua rắn rút nước, tạo ra đất liền chính là gốc rễ của tên nước *Lục Chân Lạp*, phần nước là *Thủy Chân Lạp* vẫn thuộc về vua rắn. Chân Lạp là đất nước của vua rắn, và Chu Đạt Quan đã ghi lại niềm tin của dân Khmer tin rằng *naga* là nữ thần thổ địa, làm chủ đất nước²:

Người bản xứ đều nói rằng bên trong tháp, có con rắn thành tinh có chín đầu, là chủ thổ địa của một nước, là người nữ. Mỗi đêm gặp vua, liền cùng nhau ngủ và giao cấu, dù là vợ vua cũng

¹ Cambodge là tên gọi ngày nay. Từ thế kỷ I-VI, nước này gọi là Phù Nam và từ thế kỷ VI đến khoảng thế kỷ XVII gọi là Chân Lạp. Chủng tộc và tiếng nói đều gọi là Khmer.

² Chu Đạt Quan, *Chân Lạp Phong Thổ Ký*, mục "Cung Thất":

Thổ nhân giai vị tháp chi trung hữu cửu đầu xà tinh, nãi nhất quốc chi thổ địa chủ dã, hệ nữ thân. Mỗi dạ (tắc) kiến quốc chủ, tắc tiên dữ chi đồng tẩm giao cấu, tuy kì thê diệc bất cảm nhập. Nhị cổ nãi xuất, phương khả dữ thê thiếp đồng thụ. Nhược thử tinh nhất dạ bất kiến, tắc phiên vương tứ kì chí hĩ, nhược phiên vương nhất dạ bất vãng, tắc tất hoạch tai họa (土人皆謂塔之中有九頭蛇精，乃一國之土地主也，係女身。每夜(則)見國主，則先與之同寢交媾，雖其妻亦不敢入。二鼓乃出，方可與妻妾同睡。若此精一夜不見，則番王死期至矣；若番王一夜不往，則必獲災禍。)

không dám vào. Mãi đến tiếng trống thứ hai³, vua mới đi ra và lúc đấy có thể cùng cả bọn thế thiếp cùng ngủ. Nếu như đêm nào con rắn thành tinh không gặp, ắt lúc chết của vua đã tới vậy, nếu đêm nào vua không đến thăm rắn, tất phải bị tai họa.

Huyền thoại Kaundinya và Neang Neak được tin tưởng mãnh liệt đến nỗi trong trường hợp ngại vàng thay đổi qua những trận đấu đẫm máu, vị vua mới thường tuyên bố rằng ông là hậu duệ của Kaundinya và Neang Neak để chứng minh cho việc lên ngôi vua là chánh đáng và để được hậu thuẫn của dân chúng.

Huyền thoại Kaundinya và Neang Neak giải thích được một số phong tục cưới hỏi Khmer, trong đó người ta vẫn giữ chế độ mẫu hệ (người Chiêm Thành cũng theo mẫu hệ), chú rể mang khăn choàng cổ của cô dâu để thể hiện cho việc anh ta từ rất xa đến, được gia đình cô dâu cưới, và ở nhà vợ. Y phục của cô dâu và chú rể trang điểm đầy nữ trang giống như sự giàu có của công chúa rắn. Gia đình và khách bao quanh cô dâu và chú rể với quần áo cưới biểu hiện sự tôn kính hai bên cha mẹ, và ngược lại, hai bên cha mẹ cũng chúc tụng và cho quà cặp vợ chồng mới cưới. Họ cũng lễ bái và chúc các sư một đời sống vui vẻ.

Không giống các nước khác, Cambodge không bác bỏ cũng không "hỗ thẹn" về ảnh hưởng của Ấn Độ trên nền văn hóa của họ mà ngược lại, Cambodge hoan hỉ thừa nhận. Năm 1957, trong bữa tiệc khoản đãi Dr. S Radhakrishnan, Vua Norodom Suramarit (trị vì 1920 - 1960) tuyên bố⁴:

"Chúng tôi là hậu duệ tinh thần của ông (Ấn Độ). Ngày xưa, một người Bà La Môn giáo tên Kaundinya từ miền Nam Ấn Độ đến đây, đánh bại Công Chúa của Cambodge, cưới cô ấy, định cư và thiết lập triều đình ở Cambodge, và chúng tôi là hậu duệ tinh thần của triều đình đó. Tên gọi nền văn minh Khmer mà ông trao tặng xuất phát từ chữ Kh-Meru, trong đó Kaundinya là một công dân."

Hoàng tử Norodom Sihanouk hồi tưởng trong cuốn sách của ông:

"Gốc rễ văn hóa của Cambodia bắt nguồn từ Ấn Độ, và cách nay hơn một ngàn năm, một hoàng tử Ấn Độ tên Kambu đã đến bờ biển chúng tôi và cũng gặp những người man dã. Người Ấn Độ đã mang cho chúng tôi văn minh, kiến trúc, triết học, chữ viết (xuất phát từ chữ Sanskrit and Pali) và tôn giáo (cả Bà La Môn và Phật giáo)"⁵.

³ Tiếng trống thứ hai (nhị cổ 二鼓): không rõ có phải là canh hai hay không? Trung quốc chia một ngày ra 12 khoảng cách bằng nhau, gọi là 12 *canh*. Mỗi canh vì vậy bằng 2 giờ (double-hour: giờ kép), thay vì 24 giờ như dương lịch. Canh thứ nhất bắt đầu từ 11 giờ đêm trước và lần sang một giờ đầu tiên của ngày hôm sau. Canh thứ hai từ 1-3 a.m., canh thứ ba từ 3-5 a.m., v.v. Canh không đánh số mà gọi theo tên của 12 địa chi, gồm có: tý, sửu, dần, mẹo, thìn, ty, Ngọ, mùi, thân, dậu, tuất và hợi.

⁴ We are your spiritual descendants. A man called Kaundinya (Brahmin) came from South India years ago, defeated the Cambodian princess, married her, settled down, established his dynasty, and, we are the spiritual descendants of that dynasty. The name Khmer civilization which you give to that comes from the word Kh-Meru of which Kaundinya was a citizen here."

⁵ Prince Sihanouk và Bernard Krisher, *Sihanouk Reminisces - World Leaders I have Known*, p. 55

Cambodia owes its cultural roots to India and more than a thousand years ago an Indian prince Kambu, reached our shores and also saw wild people. The Indians brought us civilization, architecture, philosophy, our alphabet (which derives from Sanskrit and Pali) and our religions (both Hinduism and Buddhism).

Cambodge chia làm 20 tỉnh (*khet*), mỗi tỉnh chia ra quận (*srok*), huyện (*khum*) và làng (*phum*). Dưới đây là bản đồ Cambodge (xuất xứ: Wikipedia):



Siem Reap là một tỉnh nằm về hướng Tây Bắc của Cambodge, hiện nay được khai thác thành một trung tâm du lịch có tầm cỡ quốc tế, và trong thực tế, nó xứng đáng được gọi như thế. Trong chuyến đi ba ngày Siem Reap, việc làm quan trọng nhất là tôi kiếm một cuốn sách hướng dẫn du lịch để tính cách làm thế nào tận dụng cho hết ngày giờ ở đây, để tìm hiểu các nét sinh hoạt chính cũng như để học một ít tiếng Khmer phổ thông. Ngoài ra, tôi còn ôm theo cuốn sách *Chân Lạp Phong Thổ Ký* do Chu Đạt Quan viết trong khoảng năm 1297 - 1312, sau chuyến đi sứ từ Trung quốc qua Chân Lạp, tức Cambodge ngày nay. Điều may mắn cho tôi là có anh Sok Rotha, một anh hướng dẫn du lịch người Cambodge, thông thạo tiếng Anh, Pháp và Việt, coi như một bộ từ điển sống có thể cho tôi biết đích thực các sinh hoạt của đường phố, xã hội hiện tại. Anh Sok Rotha, sách hướng dẫn du lịch và *Chân Lạp Phong Thổ Ký* là kim chỉ nam cho tôi trong ba ngày ở Siem Reap.

Siem Reap là nơi xuất phát nền văn minh *Angkor*. Danh từ *Angkor* được nhắc đến như là thủ đô của đế quốc Khmer⁶ từ năm 802 đến 1431A.D. Sau đó, *Angkor* hầu như bị bỏ hoang hoàn toàn.

Angkor xuất hiện khắp mọi nơi trong tỉnh Siem Reap, một tỉnh còn đầy rẫy các đền đài rất độc đáo - phản ánh mức phát triển tốt bậc về kiến trúc, văn minh, nghệ thuật của Khmer. Đó là lúc mà nghe nói thủ đô *Angkor* có cả triệu dân cư ngụ, và ảnh hưởng quân sự, kinh tế, văn hóa của đế quốc Khmer bao trùm Thái Lan, Việt Nam, Lào, Miến Điện, Mã Lai. Người ta thường lấy chữ *Angkor* để gắn thêm vào tên của hầu hết các nhà hàng, khách sạn, cơ sở ở Siem Reap. Đối với người Khmer, *Angkor* có hàm ý nhắc lại một thời gian dài huy hoàng của đế quốc Khmer và hiện nay vẫn còn âm ỉ trong lòng họ. Hỏi anh Sok Rotha thì anh cho biết *Angkor* xuất phát từ tiếng Sanskrit *nagara*, có nghĩa là *Thành phố Thánh - Holy City*. Cũng có người giải thích cho tôi *Angkor* nghĩa là *Thành phố thủ đô - Capital City*, chẳng biết trùng trật ra sao nên tôi tự dịch cho tôi *Angkor* là *thánh địa thủ đô thành*. Đúng ra, tôi muốn gọi Siem Reap là *cố đô Siem Reap* vì nó đã là thủ đô của Cambodge trong khoảng 600 năm- như ta gọi Huế là *cố đô Huế* vậy. Theo cuốn hướng dẫn du lịch của Canby Publications:

Sau thế kỷ XIII, Angkor chịu đựng các vụ xâm lăng thường xuyên của Xiêm La từ hướng Tây, tạo áp lực khiến Khmer phải dời thủ đô khỏi Angkor. Sau bảy tháng bị bao vây ở Angkor vào năm 1431, vua Ponhea Yat⁷ dời thủ đô từ Angkor đến Phnom Penh vào năm 1432. Vụ dời đô này

⁶ Tiếng "Khmer" không những chỉ chủng tộc Khmer mà còn là tên gọi của ngôn ngữ Cambodge. Cambodge tự gọi họ là "Srok Khmer" nghĩa là "đất của người Khmer." Srok Khmer, Kingdom of Cambodia, Khmer Republic, Democratic Kampuchea, People's Republic of Kampuchea là các tên gọi trong quá khứ nhưng tên chính thức hiện nay là **Vương quốc Cambodia** (người Pháp đã gọi là Royaume de Cambodge từ các năm 1800). Họ sẽ rất bức tức nếu bị gọi Kampuchea bởi vì tiếng này gọi lại hai điều mà họ khó chịu: một là nhắc lại một tai họa vô cùng đen tối của lịch sử Cambodge trong bốn năm diệt chủng của chánh quyền Kampuchea Dân Chủ do Pol Pot cầm đầu, và hai là do ghét Việt Nam nên ghét hết những gì do Việt Nam tạo dựng, tức chánh quyền Cộng Hòa Nhân Dân Kampuchea (People's Republic of Kampuchea). Tại Phnom Penh, có dựng tượng đài Hữu Nghị để kỷ niệm việc Việt Nam giúp dẹp tan Pol Pot nhưng nghe nói dân Khmer chẳng muốn lai vãng. Đáng tiếc là ngày nay người Việt Nam vẫn cứ gọi Cambodge là Kampuchea; do vậy mỗi hận thù truyền kiếp giữa hai dân tộc sẽ khó có cơ hội phai mờ! Tạm gác việc tàn sát lẫn nhau trong các thế kỷ vừa qua, hiện nay một số dân Cambodge vẫn còn truyền miệng với nhau để đòi lại phần đất miền Nam Việt Nam mà Việt Nam lấn chiếm trong quá khứ. Điều cần lưu ý là dân số Cambodge chỉ khoảng 13 triệu người, 90% thuần chủng Khmer, có một số dân tộc tính rõ ràng. Nói khác đi, họ là một khối rất nhỏ nên dễ đoàn kết để làm một việc nào đó, không mang đặc điểm *hợp chủng, đông nhưng phân tán* như dân Việt Nam. Rất có thể một ngày nào đó, Cambodge sẽ chính thức gửi công văn yêu cầu gọi họ là **Vương quốc Cambodge**, tương tự như trường hợp Đại Hàn. Người Nam Hàn không muốn bị gọi là **Nam Triều Tiên** vì điều này gọi lại giai đoạn bị Nhật Bản chiếm làm thuộc địa (1910-1945). Khi thiết lập ngoại giao với Việt Nam năm 1993, Nam Hàn yêu cầu gọi tên chính thức của họ là Đại Hàn Dân Quốc (大韓民國). Một trường hợp danh xưng khác là Trung quốc gọi **Tạng Tạng** là 西藏 đã gây méch lòng nặng nề vì dân Tây Tạng cho rằng gọi thế là sỉ nhục họ. Chữ *tạng* ở đây có hai nghĩa chánh gây tranh cãi, một là nhà chứa (còn đọc là *tàng*) và hai là kinh Phật. Trong khi Trung quốc lại lý luận rằng họ chỉ ghi âm mà thôi, không có nghĩa gì hết. Do đó, họ gọi tiếng Tạng là Tạng văn (藏文) và người Tạng là Tạng tộc (藏族). Tùy đứng trên góc độ nào mà cãi nhau.

⁷ Có thể có nhầm lẫn về tên vua ở đây. Thời gian trị vì của vua Ponthea Yat là 1389-1404, kế đó là vua Narayana Ramadhipati: 1404-1429 và Sri Bodhya: 1429-1431. Năm 1431 Xiêm La tấn công thủ đô Angkor nhưng triều đình chống cự được, Xiêm La rút lui. Tuy nhiên một năm sau đó, triều đình và hoàng gia vẫn dời về Phnom Penh để tránh áp lực bị Xiêm La thường xuyên tấn công. Điều này hoàn toàn hợp lý về mặt địa lý: Angkor (Siem Reap) nằm về hướng Tây Bắc đối với Xiêm La, biên giới quá gần nên khó phòng thủ; trong khi Phnom Penh ở tận phía Nam, xa kẻ thù và lại là cửa ngõ của đường sông, đường biển thuận lợi cho việc phát triển thương mại. Đối chiếu với Việt Nam trong giả sử hiểm họa chiến tranh với Trung quốc sẽ có thể xảy ra bất cứ lúc nào; và nếu thủ đô nằm tại Hà Nội thì rất bất lợi về mặt địa lý phòng thủ. Để giảm bớt áp lực, có thể nên xét đến việc dời thủ đô về phía Nam.

*cũng có thể đánh dấu một biến chuyển từ một nền kinh tế nông nghiệp qua nền kinh tế thương mại, trong đó một địa điểm giao lưu sông rạch như Phnom Penh, thay vì vùng Angkor nằm tận trong đất liền, sẽ mang lại nhiều thuận lợi hơn. Sau khi dời đến Phnom Penh, thủ đô của Cambodge lại dời thêm vài lần nữa, trước hết đến Lovek và rồi đến Oudong, trước khi ổn định vĩnh viễn ở Phnom Penh vào năm 1866*⁸.

Chu vi phố xá Siem Reap nhỏ, xe chạy độ chừng 30 phút là hết. Tuy quang cảnh có vẻ sầm uất, đông du khách nhưng không bị ô nhiễm không khí, xe cộ lưu thông dễ dàng. Thành thoảng có vài con đường đất hoang vu, nhà cửa thưa thớt khiến người ta cảm thấy như đang đi trên một con đường làng. Có rất nhiều khách sạn, nhà hàng sang trọng, và dường như mọi sinh hoạt trong tỉnh chỉ xoay quanh việc khai thác du lịch, từ giá cả trong sinh hoạt giải trí, ăn uống, chợ búa cho đến an ninh công cộng. Theo quan sát của tôi trên nhiều khía cạnh, họ đã *up and running* trong tư thế khai thác ngành du lịch. Và tôi cầu mong cho họ cứ thế mà phát triển để bù đắp lại cho một quốc gia nát bậy vì chiến tranh hàng ngàn năm nay, người dân oằn oại với muôn vàn nỗi thống khổ. Ngày nay đại đa số dân Cambodge bị mất thăng bằng tâm lý do hậu quả Pol Pot! Có những nơi tôi đến chỉ một lần, không bao giờ muốn quay trở lại, nhưng chắc chắn tôi sẽ trở lại Siem Reap - không ở chỉ ba ngày mà sẽ là cả tháng.

Vừa ngồi xe xem người, xem cảnh, vừa đọc cuốn hướng dẫn du lịch, tôi cảm thấy thời giờ qua nhanh quá. Đã tới bữa cơm chiều. Tôi nói với anh Sok Rotha lái xe đưa đi ăn cơm tối và *phải có món amok mới được*, sau đó, anh cứ đi về nhà nghỉ vì tôi muốn lang thang ở khu phố mà người ta gọi là *Pub Street* và sẽ tự kiếm xe trở về khách sạn.

Amok là món canh thông dụng và thường được giới thiệu cho du khách. Loại canh này nấu trong một trái dừa, gồm có thịt gà, hoặc cá, hoặc tôm chung với rau mà tôi chỉ biết vài tên rau. Có vị béo của nước dừa, cay, dễ hợp khẩu vị. Tại một nhà hàng, anh Sok Rotha hỏi tôi có muốn ăn mắm *bò hóc* không; mặc dù tôi vẫn thích thử các món đặc sản nhưng không dám ăn khi nhớ đến cách làm loại mắm này. Theo Pétrus Trương Vĩnh Ký trong bài "Vương quốc Khmer hay Kambodje" thì:

*Người ta, tức người Khmer, ăn nhiều bò hóc, một loại mắm cá. Họ để cá mục rửa, cho thối hoàn toàn và trở thành đầy giòi; họ giã nát đi, bỏ muối vô và tôi không biết được chất nào gây ra một mùi rất khó chịu (giống như ở vài bộ lạc của Mọi, nơi mà người ta ăn giòi sinh ra trên miếng thịt rừng của họ)*⁹.

⁸ *After the 13th century, Angkor suffered repeated invasions by the Thai from the west, pressuring the Khmer and contributing to the capital being moved from Angkor. After a seven-month siege on Angkor in 1431, King Ponhea Yat moved the capital from Angkor to Phnom Penh in 1432. This move may also have marked a shift from an agrarian-based economy to a trade based economy, in which a river junction location like Phnom Penh rather than the inland area of Angkor would be more advantageous. After the move to Phnom Penh, the capital of Cambodia moved a couple of more times, first to Lovek and then Oudong, before finally settling permanently into Phnom Penh in 1866.*

⁹ Pétrus Trương Vĩnh Ký, Le Royaume de Khmer ou de Kambodje, 1863, p.331:

Ils mangent beaucoup de bohok, qui est du poisson conservé. Ils laissent leurs poissons pourrir, se gâter tout à fait et devenir pleins de vers; ils le pilent, ils y mettent du sel et je ne sais quelle drogue qui donne une odeur affreuse (comme chez quelques tribus de Moïs, qui mangent les vers nés sur leur gibier).

2. Con đường Tầu Quán (Pub Street)



Charity Music Playing at the 'Pub Street' curbside - Old French Quarter

Con đường Tầu Quán là khu ăn chơi về đêm ở Siem Reap, nằm trong khu người Pháp cũ (Old French Quarter); nói đúng ra là khu ăn chơi của người ngoại quốc. Từ lúc 7:00 P.M., cảnh sát bắt đầu cấm xe chạy vào các con đường băng ngang qua *Con đường Tầu Quán* để mọi người rộng đường mà đi bộ một cách an toàn, thường thức không khí trong lành cùng các sinh hoạt đại chúng trên đường. Theo cuốn hướng dẫn du lịch Canby Publications:

Khi màn đêm buông xuống, (người ta) chuyển hướng (vui chơi) qua 'Con đường Tầu Quán,' nằm cách một hay hai block đường về hướng Đông của Chợ Cũ, gọi như thế là do có nhiều nhà hàng và quán rượu khác nhau nằm dài từ đầu đường đến cuối đường. Người ta có thể luôn luôn tìm thấy các loại thực phẩm Khmer, Thái Lan, Pháp, Việt Nam, Ấn Độ, Ý Đại Lợi cùng các loại thực phẩm quốc tế khác tại các nhà hàng của Con đường Tầu Quán. Hầu hết các quán rượu mở cửa suốt ngày nhưng sinh hoạt chỉ thực sự bắt đầu vào khoảng 5PM trở đi, lúc mà người ta đi chơi đèn đài trở về và đến đây để hưởng các tiện ích của điều mà người ta gọi là happy hour deals. Tối hơn chút nữa, con đường này không cho xe chạy, tạo điều kiện cho người bộ hành đi dạo dễ dàng. Đó chính là lúc mà Con đường Tầu Quán thực sự sống dậy khi nhà hàng dọn bàn ra lề đường và tầu quán trở nhạc lên.¹⁰

¹⁰ After the sun goes down, the focus shifts a block or two east of the Old Market to 'Pub Street,' so named for the numerous and varied restaurants and pubs that line the street from one end to the other. You can always find Khmer, Thai, French, Vietnamese, Indian, Italian and a variety of other international foods on at the 'Pub Street' restaurants. Most of the bars are open all day but don't really get going until around 5PM as people return from the temples and come to take advantage of the various happy hour deals. In the later evening the street is blocked to motor traffic,

Người ngoại quốc rất đông, trong đó có tôi, ung dung lang thang dọc theo đường. Đây đó là một nhóm người Cambodge ngồi bệt ven đường, đàn ca để xin tiền làm các công tác từ thiện. Đi bộ mệt, hoặc thấy đói bụng thì tấp vào nhà hàng nào đó, bàn ăn được kê ngay ngoài lề đường, vừa ăn, vừa ngắm mọi người qua lại. Đó là một thú vui thành thói, nhẹ nhàng. Từ *Con đường Tỉu Quán* chỉ bước một quãng ngắn là tới khu Chợ Cũ.

3. Chợ Cũ (*Phsar Chas- Old Market*)

Chợ Cũ mở cửa ban ngày cho đến 8PM, nhưng vẫn còn một số hàng quán mở cửa đến nửa khuya. Dọc đường đi, các quán ăn bình dân bên đường có đông thực khách, đa số là dân bản xứ. Mặc dù đã no nhưng tôi cũng ghé vào một quán để ăn thử món hột vịt lộn. Giống như ăn ở Việt Nam, không có gì đáng nói. Sáng hôm sau, tôi trở lại đây để mua một ít quà tặng, đại loại như tượng vũ nữ múa Apsaras khắc bằng đá hoặc gỗ, vài tấm sarong, v.v. Nói chung, Chợ Cũ có đủ loại hàng quán trên đời; tuy nhiên, dường như Chợ Cũ nhắm vào giới du khách nhiều hơn là dân bản xứ, do đó, không cách nào du khách có thể mua đúng giá được. Tôi tin chắc ai cũng phải mua hớ. Người bán có thể nói thách gấp đôi, gấp ba lần giá thật; biết vậy nhưng tôi cứ ách chùng giá nào *mua được* thì mua. Một điều khiến tôi lưu ý khi người hướng dẫn du lịch xin thế người khác vì anh ta bận đi ăn đám cưới - điều đó là "đừng nói với bạn anh là anh biết nói tiếng Việt." Rất ngạc nhiên, tôi hỏi lý do thì anh ấy giải thích rằng "*ở đây người ta ghét Việt Nam lắm.*" Ngay lập tức, tôi liên tưởng đến một lịch sử hận thù chồng chất từ mấy trăm năm nay giữa hai chủng tộc, và gần đây nhất là giai đoạn lán đất (Nam Tiến) của triều Nguyễn, xung đột của Bắc Việt Nam và Nam Việt Nam với Cambodge, chế độ diệt chủng Pol Pot, tàn sát người Việt (*cáp duồn*) ở Cambodge và ở dọc biên giới Tây Nam Việt Nam, và sự chiếm đóng ngót 10 năm của Việt Nam sau khi lật đổ Pol Pot... Khúc phim lịch sử này khiến tôi cảm thấy chua xót cho cả hai bên: một mối căm thù lẫn nhau hết sức khó khăn để cởi bỏ.

Sau bữa tối đầu tiên lang thang ở *Con đường Tỉu Quán* và *Chợ Cũ*, tôi trở về khách sạn nghỉ, đọc thật kỹ cuốn hướng dẫn du lịch, đi đến kết luận là ngày mai đi chơi cả ngày ở Angkor Thom, Angkor Vat (hoặc Angkor Wat), và đi chơi thuyền ở hồ Tonlé Sap; còn ngày kế thì ghé Bảo Tàng Viện Quốc Gia, Làng Văn Hóa Cambodge, và trở về lại Việt Nam.

4. Khái niệm về kiến trúc đền đài Angkor

4.1 Tại sao các vua Khmer ở vào giai đoạn thế kỷ IX đến đầu thế kỷ XIV cứ lên ngôi là tập trung hết mọi tài nguyên nhân, vật lực vào việc xây dựng đền đài Angkor?

Chính vì niềm tin *vua-thần* (*Deva Raja - Roi-Dieu*), trong đó vua là người được Thần bảo hộ và thay mặt cho Thần để cai trị dân chúng ở hạ giới. Do đó, vua có nhiệm vụ phải tôn thờ Thần. Vua Jayavarman II (770 – 850) là người khởi xướng niềm tin *vua-thần*, và xây dựng quyền lực dựa trên niềm tin tôn giáo này vào thế kỷ IX (Jayavarman II lên ngôi năm 802). Tại lễ đăng quang ở núi Kulen, Jayavarman II tuyên bố rằng vua là biểu hiện của Thần Shiva, rằng Chân Lạp là một nước thống nhất và độc lập, và do một vua cai trị trong niềm tin *vua-thần*. Từ đó cho đến 600 năm sau, niềm tin này trở thành căn bản tôn giáo cho các đời vua sau đó, nhưng tùy theo niềm tin mà mỗi vua tôn thờ một Thần khác nhau.

allowing pedestrians to stroll easily. It's then that Pub Street really comes alive as the restaurants move their tables to the curbside and the bars crank up the music.

Căn cứ vào tín ngưỡng của các vua Chân Lạp khi cất đền đài thì hiển nhiên việc kiến trúc phải do các tu sĩ Bà La Môn Ấn Độ đảm nhận, và lẽ tất nhiên, công trình kiến trúc phải biểu hiện cho được mục đích xây cất, đó là niềm tin tưởng *vua-thần*.

Các đền đài Angkor luôn luôn được cất theo một biểu tượng để tôn vinh tín ngưỡng, hoặc Bà La Môn giáo, hoặc Phật giáo. Đối với Bà La Môn giáo, họ tôn thờ hai vị thần: Thần Bảo Tồn Vishnu và Thần Phá Hủy Shiva, còn Thần Sáng Tạo Brahma không thấy nhắc đến. Tuy nhiên, Thần Shiva chỉ được thờ cúng đến khoảng cuối thế kỷ XI mà thôi, sau đó Thần Vishnu chiếm vị thế độc tôn, trong ý nghĩa Thần Vishnu là người bảo vệ vũ trụ và các thần, có một mặt và bốn tay. Đền thờ Thần Vishnu có khuôn mẫu của một vũ trụ thu nhỏ, trong đó thành quách tượng trưng cho các dãy núi, hào nước tượng trưng cho các đại dương (trong thực tế là một phương cách phòng thủ hữu hiệu) và ở giữa là núi Meru được xem là nơi cư trú của Thần Vishnu.

Mục tiêu chánh của kiến trúc Bà La Môn là đền đài phải kết hợp hài hòa với khung cảnh chung quanh. Kiến trúc Bà La Môn giáo luôn luôn có đặc điểm hùng vĩ, nhiều trụ cột, và cất bằng đá tảng rất lớn. Ngoài ra, trang điểm và chạm trổ bên ngoài lẫn bên trong một cách tỉ mỉ cũng là một



Đền Virupaksha, Pattadakal, Ấn Độ, 745 CE

đặc điểm không thể thiếu được. Các kiến trúc vòng cầu (arch), hình tháp (pyramids), lựa chọn nền đền, lối chạm trổ rắc rối và hoa mỹ đặc biệt cho đỉnh đền, tháp đền, công vào là các biểu tượng nổi bật của văn hóa Bà La Môn giáo Ấn Độ. Đền Anihole và Pattadakal là hai đền lâu đời nhất được biết đến như là thí dụ về nghệ thuật kiến trúc Bà La Môn giáo, phổ biến khắp vùng Đông Á và Đông Nam Á.

Đền Virupaksha do Hoàng hậu Lokamahadevi cất vào thế kỷ VIII (năm 745) tại tỉnh Pattadakal, một tỉnh nhỏ thuộc tiểu bang Karnataka, để chào mừng chiến thắng của chồng là vua Vikramaditya II. (Hình Đền Virupaksha trích từ Wikipedia).

Đền đài Angkor được cất theo truyền thống núi-đền (temple-mountain) của Ấn Độ: trông giống như núi Meru để thánh thần cư ngụ. Huyền thoại kể rằng núi Meru nằm ở hướng Bắc Himalayas, bao bọc bởi đại dương, biểu tượng bởi hào nước chung quanh đền. Bởi vì núi có bốn đỉnh xung quanh và đỉnh thứ năm cao nhất ở giữa nên đền Angkor Wat muốn biểu hiện một vũ trụ thu nhỏ thì phải có cùng cấu trúc như thế. (Theo Vittorio Roveda, *Sacred Angkor*, p. 1 – 22).

Người ta hay nói rằng Angkor được "khám phá" bởi nhà tự nhiên học người Pháp, Henri Mouhot (1826 -1861), điều này không đúng. Henri Mouhot chỉ là người Pháp đầu tiên thấy Angkor Wat vào năm 1860 trong một chuyến khảo sát động vật, rồi ông quảng bá rộng rãi với Tây phương. Người Khmer không bao giờ quên lãng sự hiện hữu của các đền đài Angkor hết sức to lớn.

Angkor nằm dưới chân núi Kulen, có nhiều nhánh sông chảy qua. Tuy nhiên, vào mùa khô, không có đủ nước để dùng cho ruộng lúa và con người, vì thế, nhu cầu thiết lập các đập trữ nước có tính chất bức xúc. Đập hướng Đông (East Baray) cất vào khoảng năm 890, chiều Bắc Nam dài 2 km, chiều Đông Tây dài 7 km, sâu 3 m nhưng nay đã khô cạn. Còn đập hướng Tây cất vào khoảng giữa thế kỷ XI, vẫn còn sử dụng. Một trong các thành công của đế quốc Angkor là kiểm chế và điều chỉnh dòng sông Mékong bằng cách xây cất các hệ thống đập, kinh đào để điều tiết mực nước khi cao, khi thấp và tích trữ nước để dùng vào việc canh tác ruộng nương.

Đền luôn luôn có bốn cửa, hướng đúng về bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, trong đó cửa chánh là hướng Đông trong ý nghĩa tôn vinh Thần Mặt Trời thường được tôn sùng trong các nền văn minh cổ. Lấy hướng Đông làm khởi điểm, các trang trí của đền đều xoay theo chiều di chuyển của Mặt Trời, tức là đi theo chiều kim đồng hồ. Hướng đi trong các lễ nghi, gọi là *pradakshina*, là đi theo chiều kim đồng hồ. Trái lại, đi ngược chiều kim đồng hồ, gọi là *prasavya*, là hướng đi trong các buổi lễ tang ma. Có một ngoại lệ duy nhất, đó là đền Angkor Wat có cửa chính xoay về hướng Tây. Do đó, khi xem Angkor Wat, từ cổng vào hướng Tây, người ta nên đi ngược chiều kim đồng hồ, tức là đi vòng quanh đền, men theo phía tay phải thì mới có thể chiêm ngưỡng các điêu khắc Angkor Wat theo đúng trình tự kiến trúc.

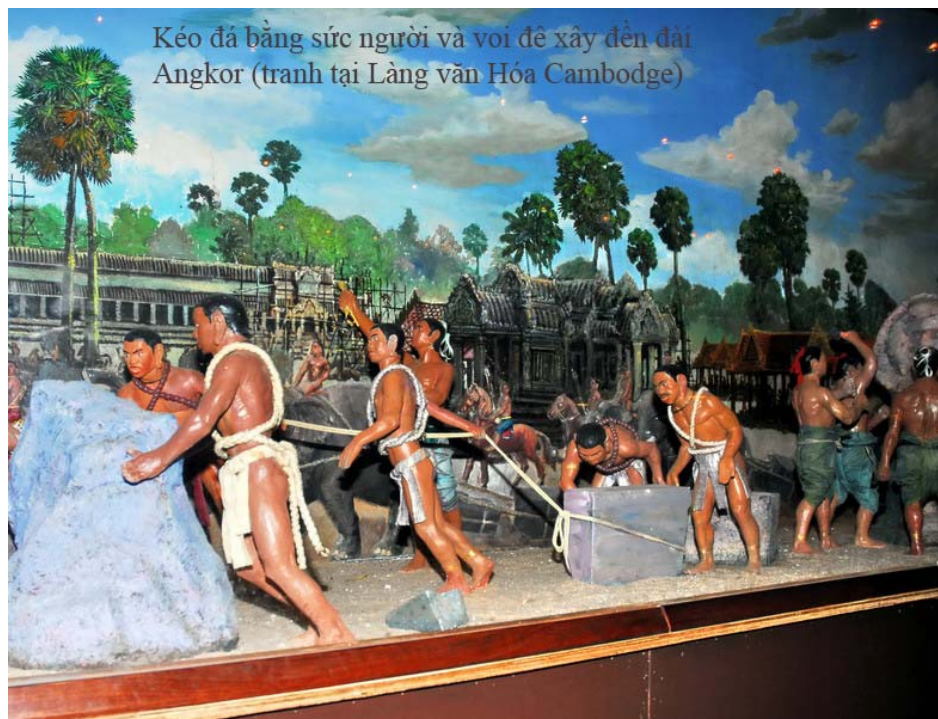
Cách cổng Tây Angkor Wat về hướng Bắc và cổng Nam Angkor Thom không bao xa là đền *Bakheng*, trung tâm đầu tiên của vương quốc Angkor. Đền Bakheng do vua Yasovarman cất vào năm 889 khi muốn dời thủ đô từ Hariharalaya (trong vùng núi Roluos) đến Yashodhara (tức Angkor). Bakheng là một ngọn đồi nhỏ, cao khoảng 60m, dùng làm biểu tượng cho núi Meru.

4.2 Chạm trổ thấp (bas-reliefs/low-reliefs để phân biệt với Chạm trổ cao - haut reliefs/high-reliefs)

Khả năng chạm trổ trên đá của nền văn minh cổ Khmer trên nguyên tắc là thừa kế từ Ấn Độ, tuy nhiên, sau đó phát triển thành một nét riêng biệt. Các bức chạm trổ trên đá cho thấy kỹ năng hoàn hảo của dân Khmer; chẳng hạn chạm trổ các thân của Bà La Môn giáo như Shiva, Vishnu, Brahmans, voi thần Ganesha, các con thú huyền thoại *naga*, quỷ *kala*, sư tử, v.v. Vài chạm trổ lớn còn vẽ nên các câu chuyện huyền thoại trong các trường sử thi *Mahabharata* và *Ramayana*, hoặc các trận chiến tranh lớn với Chiêm Thành, hoặc như các chạm trổ khoảng 2000 vũ nữ Apsaras ở đền Angkor Wat như là tiên nữ, được chạm trổ sống động như đang bay trên mây, cử chỉ nhẹ nhàng cùng với nữ trang và miện đội trên đầu rất đặc biệt, y phục chỉ là một khúc vải quấn ngang eo và dài xuống đến chân, phần trên ngực để trần và luôn luôn đi chân không.

Để thưởng ngoạn toàn diện công trình kiến trúc của Khu Khảo Cổ Angkor (*Angkor Archaeological Park*), người ta cần hiểu biết về nền văn minh Ấn Độ, giữ một tâm không để có thể cảm nhận được các nét khác biệt so với xã hội, tập tục mà người ta vốn sinh ra và lớn lên trong đó. Cách đúng để chiêm ngưỡng đền đài Angkor là quan sát một cách đại thể, đứng xa mà nhìn bởi vì các đền đài cất bằng các tảng đá chồng chất lên nhau mà tạo ra hình thể có nét đẹp hùng vĩ và chỉ nhắm vào cái thể đồ sộ đó mà thôi. Không ai ngắm cảnh đẹp núi sông bằng cách

đến gần để sờ mó núi sông. Cũng thế, khi vào trong đền đài thì tùy theo tỷ lệ xa gần, lớn nhỏ mà đứng xa ra để thưởng thức các điêu khắc tỉ mỉ trên các cột, tường vách trong đền.



Đền đài Angkor hầu hết cất bằng các tảng đá bùn, đa số có màu xám, thường có các khoen nhỏ cho thấy bằng chứng đá được kéo đến bằng dây hoặc trục có bánh lăn đi. Hàng tấn, tấn đá đã được sử dụng, chất không biết bao nhiêu *núi đá* để dựng nên đền đài! Cũng có các vòm mái cong nhưng rất thô sơ; đó chỉ là các tảng đá chất so le với nhau, từ hai bên đầu lại. Các tảng đá phải mang từ núi

Kulen cách Angkor 40

km (25 miles), với phương tiện nào? Có thể phỏng đoán là ngoài sức người, chỉ có trâu, voi và xe kéo được sử dụng để vận chuyển các tảng đá to từ núi đến địa điểm cất đền. Nếu vào mùa mưa, thuyền bè có thể cũng được sử dụng. Tuy nhiên, làm thế nào để mang các tảng đá to lên tới trên đỉnh đền cao ngất? Có thể người ta sẽ không bao giờ biết được.

Mãi đến nay, Cambodge vẫn còn sử dụng các phương pháp xây cất ngày xưa. Họ dựng cột rất chắc chắn nhờ vào gỗ chặt từ rừng, lấy dây cây rừng quấn chặt vào và dùng đó như đòn bẩy để nhắc các vật nặng. Các tranh và hình trang trí trên cột đá và vách tường tại các đền đài đều đục ngay trên mặt của từng tảng đá, và hầu chắc người ta dùng búa và đục để đục trên đá, đúng như Chu Đạt Quan ghi chép về cách làm thuyền vào khoảng thời gian đó:

*Thợ mộc không dùng cưa, cứ lấy cái búa, cái đục mà xẻ thành ván, đã phí gỗ lại phí công. Gỗ nào quan trọng thì làm thành từng khúc, chỉ dùng cái đục để đục đứt gỗ, cất nhà cũng làm như vậy*¹¹.

¹¹ Chu Đạt Quan, *Chân Lạp Phong Thổ Ký*, mục "Chu Tiếp":

Trượng giả vô cưa, dân dĩ phủ tạc chi khai thành bản, kí phí mộc thả phí công dã. Phàm yếu mộc thành đoạn, diệc chi dĩ tạc tạc đoạn, khởi ốc diệc nhiên.

匠者無鋸，但以斧鑿之開成版，既費木且費工也。凡要木成段，亦只以鑿鑿斷，起屋亦然。

4.3 Tại sao các nấc thang trong đền có bề ngang rất hẹp và độ dốc gần như thẳng đứng?

Khác với nhà thờ, chùa ở phương Tây và Trung quốc, cứ theo Bà La Môn giáo thì các đền đài Angkor hoàn toàn không có ý cất cho dân chúng vào đó mà cầu nguyện, cúng kiếng mà là nơi dành riêng cho vua thờ phụng và cầu nguyện Thần bảo vệ cho vua và đất nước; đồng thời đền đài cũng chính là nơi cư ngụ của vị thần đó. Đền chỉ dành cho rất ít người lai vãng như vua, tu sĩ, các vũ nữ Apsaras và người phục dịch mà thôi. Tôi nghĩ điều này có thể nhận thấy rõ ràng qua cách cất cầu thang ở phía trước đền. Bề ngang của nấc thang rất hẹp, không thể nào đặt trọn bàn chân để bước theo cách thông thường được; còn bề cao có độ nghiêng rất dốc, từ 65° đến 85°. Đó là vì nấc thang vừa phải giữ hình dáng kim tự tháp, vừa phải cất nơi cư ngụ của Thần tận trên cao - gọi là phòng chánh, rất nhỏ so với toàn thể diện tích của đền - và chỉ có tu sĩ hoặc vua mới được đi lên nấc thang mà vào phòng chánh.

Tuy nhiên, nếu đối chiếu với một phong tục Chân Lạp thì tôi muốn đưa ra một giả sử khác để giải thích tại sao các nấc thang vừa hẹp, vừa dốc cao. Đó là để ngừa trường hợp người ta bước lên theo cách thông thường, nghĩa là chĩa ngón chân về phía người đối diện. Điều này xuất phát từ một điểm tối cấm kỵ (*tabou*) trong tập quán: xem chân là phần dưới của thân thể nên chân là phần bẩn thỉu. Vì thế, khi ngồi, tập quán đòi hỏi hai chân để song song xuống, không tréo chân (tréo chân bị coi là mất lịch sự). Nếu đưa bàn chân, hoặc ngửa với bàn chân chĩa vào người khác sẽ bị xem là hết sức vô lễ¹². Ngày xưa, vũ nữ Apsaras chỉ dành riêng để múa cho vua nên họ không bao giờ dám có bước đi thẳng thông thường mà luôn luôn đứng ở tư thế có bàn chân xoay ngang. Khoảng 2,000 chạm trổ Apsaras tại Angkor Wat chứng minh cho nhận xét này: nấc thang cất hẹp và dốc cao là có dụng ý dành riêng cho vũ nữ Apsaras lên xuống và múa như tiên nữ giữa trời.



Vũ nữ Apsaras luôn luôn đứng ở tư thế có bàn chân xoay ngang

¹² Trước tháng 2-2008, du khách đến Angkor Wat đều được tự do thử bước lên các nấc thang gần như thẳng đứng và chật hẹp này; nhưng nay đã bị cấm vì trong tháng 1-2008 có một người du khách Đại Hàn trượt chân té bất tỉnh, đưa vào bệnh viện thì qua đời.

Tháp (prasad): Tháp là biểu hiện căn bản của đền, thông thường có cửa mở về hướng Đông, các hướng khác là vách tường.

Cổng vào (gopura): Trước khi bước vào đền hay khi đi hết các lối đi với tường hai bên trong đền để qua một khu mới thì thường có một cổng vào.

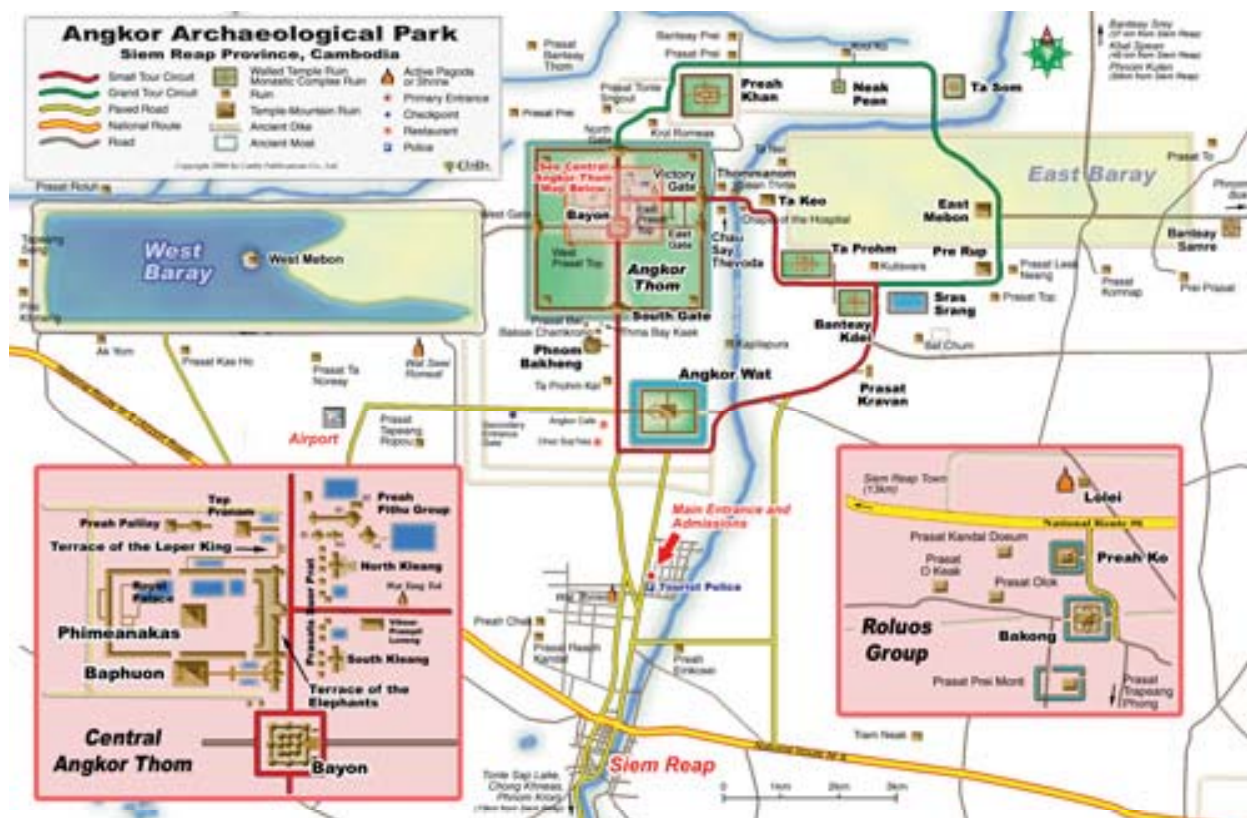
Bững ngang trên cửa (lintel): Đà ngang trên cửa ra vào hoặc cửa sổ thường hình tam giác hay chữ nhật, trên đó khắc nhiều hình nhỏ rất sắc sảo.

Rắn thành tinh (naga): Con rắn thành tinh có nhiều đầu là một huyền thoại nhưng lại là một chủ đề trang trí lối đi, lan can rất phổ biến ở các đền đài. Đầu rắn trông giống loại rắn hổ (cobra) đang phùng mang như cánh quạt, và trên đó, số đầu rắn luôn luôn là số lẻ (từ ba đến chín đầu).

Sư tử: Sư tử dùng trang trí ở cổng vào hoặc hai bên đường đi như một biểu tượng canh gác, bảo vệ. Điều nghi vấn là vùng Đông Nam Á không có sư tử nhưng ở mục Tầu Thú, Chu Đạt Quan ghi rằng "có một ít sư tử" (Số thiếu giả sư tử 所少者獅子), vậy Chu Đạt Quan ghi thiếu sót xuất xứ các con sư tử hay quả có một ít sư tử và nay đã tuyệt chủng?

Tượng: Có rất ít tượng bằng đồng, bạc, hay vàng nhưng đã được dời vào bảo tàng viện vì tệ nạn trộm cắp hoặc vì cần bảo trì. Riêng các tảng đá thiêng liêng linga vẫn còn đầy rẫy khắp nơi, không sợ bị trộm cắp hay hư hao.

Dưới đây là bản đồ Khu Khảo Cổ Angkor (trích từ cuốn hướng dẫn du lịch Canby Publications):



5. Angkor Thom

Angkor Thom và các đền đài khác trong tỉnh Siem Reap được gọi chung dưới tên *Công Viên Khảo Cổ* (Angkor Archaeological Park). Để vào thăm, người ngoại quốc phải mua vé, gọi là 'Angkor Pass' với giá \$US 20/ngày, \$US 40/ba ngày, \$US620/bảy ngày; còn dân bản xứ được miễn phí hoàn toàn.

Năm 1177, Chiêm Thành mở cuộc tấn công bằng đường thủy, từ sông Mékong, đi ngược dòng hồ Tonlé Sap để đánh phá kinh đô của Chân Lạp. Tuy nhiên, Jayavarman VII phản công và đánh bại Chiêm Thành vừa trên bộ, vừa trên sông hồ. Năm 1181, Jayavarman VII lên ngôi vua và là vị vua anh hùng nhất trong các vua thời Angkor. Jayavarman VII cất thành phố Angkor Thom và nhiều đền đài, trong đó có hai đền thờ Ta Prohm và Preah Khan để hiến dâng cho cha mẹ. Vì Jayavarman VII theo đạo Phật nên các đền đài theo Bà La Môn giáo bị cải biến để chỉ phô bày hình Đức Phật, rồi khi Jayavarman VII mất thì Bà La Môn giáo phục hồi, lại trưng bày các tượng thần Bà La Môn, và sau hết là giai đoạn hưng thịnh của Phật giáo nguyên thủy (Tiểu thừa), bắt đầu từ thế kỷ XIV.

Angkor Thom, có nghĩa là "Thành Phố Thủ Đô Vĩ Đại," vốn đã là một thành phố có trụ sở chính quyền, hệ thống kinh đào, hào nước hoàn hảo, và nhà ở của dân chúng trước khi Jayavarman VII khởi công phục hồi và xây dựng thêm. Angkor Thom gồm có các đền đài: Bayon, Cung Vua với đền Phimeanakas, Baphuon, Bộ Voi, Bộ Vua Húi, đền Tep Pranam và Prah Palilay - về hướng Đông có các tháp Suor Prat, Kleang và Prah Pithu. Trước cổng vào Angkor Thom là hai dãy lan can lớn, khung cảnh vẫn còn như Chu Đạt Quan mô tả trong cuốn *Chân Lạp Phong Thổ Ký*; tuy nhiên, ngày nay chỉ còn phôi ố bằng đá, các tượng, tháp bằng vàng, đồng đã dôi vào bảo tàng viện hoặc bị đánh cắp¹³:

¹³ Chu Đạt Quan, *Chân Lạp Phong Thổ Ký*, mục "Thành Quách":

Châu thành chu vi khả nhị thập lí, hữu ngũ môn, môn các lưỡng trùng. Duy Đông hướng khai nhị môn, dư hướng giai nhất môn. Thành chi ngoại cự hào, hào chi ngoại giai thông cù đại kiều. Kiều chi lưỡng bàng các hữu thạch thập ngũ thập tứ mai, như thạch tướng quân chi trạng, thậm cự nhị nanh. Ngũ môn giai tương tự. Kiều chi lan giai thạch vi chi, tạc vi xà hình, xà giai cửu đầu, ngũ thập tứ thân giai dĩ thủ bạt xà, hữu bát dong kì tẩu dật chi thể. Thành môn chi thượng hữu đại thạch Phật đầu ngũ, diện hướng Tây phương. Trung trí kì nhất, súc chi dĩ kim. Môn chi lưỡng bàng tạc thạch vi tượng hình. Thành giai điệp thạch vi chi, khả nhị trùng, thạch thậm chu mật kiên cố, tả bất sanh phồn thảo, tức vô nữ tường. Thành chi thượng, gian hoặc chủng quáng lang mộ, bí bí giai không ốc. Kì nội hướng như pha tử, hậu khả thập dư trùng. Pha thượng giai hữu đại môn, dạ bế táo khai. Diệc hữu giam môn giả, duy cầu bất hứa nhập môn. Kì thành thậm phương chính, tứ phương các hữu thạch tháp nhất tọa, tầng thụ trăm chỉ hình nhân diệc bất hứa nhập môn. Đương quốc chi trung, hữu kim tháp nhất tọa. Bàng hữu thạch tháp nhị thập dư tọa, thạch ốc bách dư gian, Đông hướng kim kiều nhất sở, kim sư tứ nhị mai, liệt ư kiều chi tả hữu, kim Phật bát thân, liệt ư thạch ốc chi hạ. Kim tháp chí Bắc khả nhất lí hứa, hữu đồng tháp nhất tọa. Bí kim tháp canh cao, vọng chi uất nhiên, kì hạ diệc hữu thạch ốc thập sở gian. Hựu kì Bắc nhất lí hứa, tặc quốc chủ chi lư dã. Kì tâm thất hựu hữu kim tháp nhất tọa yên, sở dĩ bạc thương tự lai hữu phú quý chân lạc chi bao giả, tương vi thử dã. Thạch tháp xuất Nam môn ngoại bán lí dư, tục truyền Lỗ Bàn nhất dạ tạo thành Lỗ Bàn mộ. Tại Nam môn ngoại nhất lí hứa, chu vi khả thập lí, thạch ốc sở bách gian. Đông trí tại thành Đông thập lí, chu vi khả bách lí. Trung hữu thạch tháp, thạch ốc, tháp chi trung hữu ngoại đồng Phật nhất thân, tề trung thường hữu thủy lưu xuất. Bắc trí tại thành bắc ngũ lí, trung hữu kim phương tháp nhất tọa, thạch ốc sở thập gian, kim sư tứ, kim Phật, đồng tượng, đồng ngư, đồng mã, chi chúc giai hữu chi.

州城周圍可二十里，有五門，門各兩重。惟東向開二門，餘向皆一門。城之外巨濠，濠之外皆通衢大橋。橋之兩傍各有石神五十四枚，如石將軍之狀，甚巨而獍。五門皆相似。橋之闌皆石為之，鑿為蛇形，蛇皆九頭，五十四神皆以手拔蛇，有不容其走逸之勢。城門之上有大石佛頭五，面向西方。中置其一，飾之以金。門

Chu vi châu thành khoảng 20 lí, có năm cửa, cửa đều có hai lớp trùng nhau. Riêng cửa hướng Đông có hai cửa, các cửa còn lại đều có một cửa. Bên ngoài của thành có hào lớn, bên ngoài của hào đều thông ra cầu lớn. Hai bên cầu đều có 54 tượng thần bằng đá, trông như hình trạng của các tướng quân bằng đá, cực lớn và dữ tợn. Năm cửa đều giống nhau. Lan can của cầu đều làm bằng đá, tạc thành hình rắn, rắn đều có chín đầu, 54 vị thần đều ôm nắm rắn ở vị thế như không để cho rắn chạy sống ra. Phía trên thành có tượng Phật bằng đá có năm đầu, mặt hướng về phương Tây. Bên trong đặt một tượng Phật được trang sức bằng vàng. Hai bên cửa tạc đá thành hình con voi. Thành đều làm bằng đá chông chát, cao khoảng hai trượng, đá rất chu toàn, kiên cố, không sanh nhiều cỏ, tới gần không thấy vách tường. Trên thành khoảng trống có thể trồng cây quáng lang, các phòng buồng luôn luôn rộng. Cõi bên trong giống như các sườn núi, chiều sâu khoảng hơn 10 trượng. Sườn phòng ở mé trên đều có cửa lớn, dẽm đóng, ngày mở. Có người canh phòng, chỉ không cho chó vào. Thành rất nghiêm chỉnh, bốn hướng đều có đặt tháp đá, cũng đã từng không cho người bị hình phạt chột chân vào thành. Ở giữa chỗ ở của vua đang thời, có đặt một tháp vàng. Bên cạnh đặt hơn 12 tháp đá, hơn cả trăm phòng đá, hướng Đông có một cây cầu vàng, hai con sư tử vàng xếp hàng ở hai bên trái phải của cầu, tám tượng Phật vàng bày phía dưới phòng đá. Từ tháp vàng đến hướng Bắc có thể là một lí, có đặt một tháp đồng. Cùng cao với tháp vàng, cảnh nhìn rậm rạp, phía dưới cũng có nhà đá có 10 phòng. Lại đi về hướng Bắc một lí nữa, chính là chỗ vua ở. Trong tâm thất của vua lại có đặt một tháp vàng, ấy là vì cho rằng có các thương gia đường biển tự động đến viếng người áo rộng của nước Chân Lạp phú quý. Đi ra từ cửa Nam của tháp đá hơn nửa lí, tục truyền một đêm Lô Bàn tạo thành ngôi mộ Lô Bàn. Ở bên ngoài cửa Nam chừng một lí, chu vi khoảng 10 lí, nhà đá có khoảng 100 phòng. Hào Đông tại thành Đông cách thành 10 lí, chu vi khoảng 100 lí. Bên trong có tháp đá, nhà đá, ở giữa tháp có một tượng Phật nằm bằng đồng, giữa rún thường có dòng nước chảy ra. Hào Bắc tại thành Bắc cách thành năm lí, ở giữa có đặt một tháp vàng hình vuông, nhà đá có 10 phòng, các sư tử vàng, Phật vàng, tượng đồng, trâu đồng, ngựa đồng đều có đầy đủ.

Bayon: Trung tâm của Angkor Thom là đền Bayon, được chia thành bốn khu bởi bốn con đường; và đường có thể được bao bọc bởi hào. Con đường thứ năm nằm ngay tại Cung Vua, đi về hướng Đông. Jayavarman VII cất đền Bayon để làm nơi thờ cúng Phật. Tháp trung tâm mang một mặt Phật rất lớn mà người ta giả sử đó là mặt của Jayavarman VII. Chung quanh kiến trúc chánh là hơn 50 tháp nhỏ có tạc đầu người với bốn mặt nhìn chánh diện về bốn hướng Đông, Tây, Nam và Bắc.

Điểm đặc biệt của Bayon là các chạm trổ tháp ở vách tường bên ngoài của tầng trệt và tầng trên. Chạm trổ tháp ở tường phía Nam cho thấy cảnh chiến đấu thực sự trên sông giữa Chân Lạp và

之兩傍，鑿石為象形。城皆疊石為之，可二丈，石甚周密堅固，且不生繁草，却無女牆。城之上，間或種桃榔木，比比皆空屋。其內向如坡子，厚可十餘丈。坡上皆有大門，夜閉早開。亦有監門者，惟狗不許入門。其城甚方整，四方各有石塔一座，曾受斬趾刑人亦不許入門。當國之中，有金塔一座。傍有石塔二十餘座；石屋百餘間；東向金橋一所；金獅子二枚，列於橋之左右；金佛八身，列於石屋之下。金塔至北可一里許，有銅塔一座。比金塔更高，望之鬱然，其下亦有石屋十數間。又其北一里許，則國主之廬也。其寢室又有金塔一座焉，所以舶商自來有富貴真臘之褒者，想為此也。石塔出南門外半里餘，俗傳魯般一夜造成魯般墓。在南門外一里許，周圍可十里，石屋數百間。東池在城東十里，周圍可百里。中有石塔、石屋，塔之中有卧銅佛一身，臍中常有水流出。北池在城北五里，中有金方塔一座，石屋數十間，金獅子、金佛、銅象、銅牛、銅馬之屬皆有之。

Chiêm Thành. Ngoài ra, ở các tường khác còn có các cảnh sinh hoạt hàng ngày của dân chúng như: họp chợ, đá gà, đánh cờ, sinh đẻ, v.v. Bayon có một chạm trổ thấp kể chuyện Vua Hủi mà người ta đồn chính là vua Jayavarman VII, cảnh trong đó là mọi người đứng xem vua vật lộn với một con rắn rất lớn. Có giả sử là vua bị dính nọc độc của rắn nên sinh ra bệnh hủi, nhưng cũng có người nói con rắn chính là hiện thân của bệnh hủi.

Phimeanakas: Phimeanakas là cung vua trong Angkor Thom. Phimeanakas là một cái tháp có ba tầng, cao khoảng 12 m, chiều Đông-Tây dài 35 m, và chiều Bắc-Nam dài 28 m. Đi ra từ cổng Nam Phimeanakas sẽ gặp cổng Đông của đền Baphuon; tuy nhiên nên đi ra ở cổng Đông Phimeanakas để ngắm phía tay mặt Bệ Voi (Elephant Terrace).

Cung vua Phimeanakas chính là "tháp vàng" mà Chu Đạt Quan mô tả chính xác vị trí ở các mục "Thành Quách" nêu ở phần trên, và "Cung Thất" như sau:¹⁴

Cung vua cùng nhà quan, dinh thự đều quay về hướng Đông. Cung vua ở tại tháp vàng, về hướng Bắc của cầu vàng, gần cửa, chu vi khoảng năm, sáu lí. Ngói của chánh thất lấy chì mà làm, các phần còn lại lợp bằng ngói đất. Trụ cầu màu vàng, rất lớn, đều chạm trổ, vẽ hình Phật. Chóp nhà trông hùng tráng, hành lang dài, đường đi chồng chất lên nhau, có chỗ bồng chen vào nấc thang, có chi tiết quy mô. Phòng nghị sự có song cửa sổ vàng, hai bên trái phải có cột vuông, bên trên có gương soi chừng bốn năm chục mặt xếp đặt theo hai bên của cửa sổ. Phía dưới làm hình con voi. Nghe nói bên trong có nhiều chỗ kỳ lạ, canh phòng hết sức chặt chẽ, không thể được thăm viếng. Bên trong tháp vàng, ban đêm vua nằm ở phía trên.

Baphuon: Đền Baphuon hầu chắc được cất dưới triều vua Suryavarman, sau đó được hoàn thành bởi vua kế tiếp là Udayadityavarman. Đền Baphuon là "đền-núi" lớn nhất của Angkor Thom.

Bệ Vua (Royal Terrace): Đó là một bệ dài theo vách tường từ Nam đến Bắc.

Bệ Voi (Elephant Terrace): Bức tường chống cho Bệ Vua được chạm trổ nhiều hình ảnh mà nổi bật là voi hoặc các thần chim nhưng thân người (garudas), đưa tay lên như để đỡ bệ.

Bệ Vua Hủi (Leper King Terrace): Bệ này tượng trưng cho núi Meru, gồm có hai vách tường. Đắt đắp ở giữa hai bức tường, cũng có chạm trổ các vị thần.

¹⁴ Chu Đạt Quan, *Chân Lạp Phong Thổ Ký*, mục "Cung Thất":

Quốc cung cập quan xá phủ đệ giai diện Đông. Quốc cung tại kim tháp, kim kiều chi Bắc, cận môn, chu vi khả ngũ lục lí. Kì chánh thất chi ngõ dĩ diên vi chi, dư giai thổ ngõ. Hoàng sắc kiều trụ thậm cự, giai điều họa Phật hình. Ốc đầu tráng quan, tu lang phức đạo, đột ngọt tham si, sảo hữu quy mô. Kì lị sự xử hữu kim đài linh, tả hữu phương trụ thượng hữu kính, ước hữu tứ ngũ thập diện, liệt phóng ư song chi bàng. Kì hạ vi tượng hình. Văn nội trung đa hữu kỳ xử, phòng cảm thậm nghiêm, bất khả đắc nhi kiến dã. Kì nội trung kim tháp, quốc chủ dạ tắc ngọa kì thượng.

國宮及官舍府第皆面東。國宮在金塔、金橋之北，近門，周圍可五六里。其正室之瓦以鉛為之，餘皆土瓦。黃色橋柱甚巨，皆雕畫佛形。屋頭壯觀，修廊複道，突兀參差，稍有規模。其葺事處有金急檣，左右方柱上有鏡，約有四五十面，列放於窗之旁。其下為象形。聞內中多有奇處，防禁甚嚴，不可得而見也。其內中金塔，國主夜則卧其上。

6. Angkor Wat (hay Angkor Wat)

Du khách ngày nay đến Angkor Wat chỉ còn thấy vết tích đền đài. Các phòng ốc đầy tượng Phật, thánh thần cùng các trang sức bằng vàng bạc nay không còn nữa. Tượng Thần Vishnu cũng không còn trong tháp chánh và có thể đã bị mất vĩnh viễn. Vì thế, người ta chỉ có thể tưởng tượng cái thế vĩ đại và trang trí đẹp đẽ của đền đài ngày xưa mà thôi.



Tay phải của hình trên đây là hướng Đông và tay trái là hướng Tây.

Vua Suryvarman II cất Angkor Wat trong khoảng năm 1113 - 1150. Phá vỡ truyền thống của các vua trước, và do niềm tin nơi Thần Vishnu, Vua Suryavarman II cất và dâng hiến Angkor Wat cho Thần Vishnu, thay vì Thần Siva. Vua Suryvarman cho đẽo tường đá trang trí thành các hoạ cảnh huyền thoại, sinh hoạt của triều đình và luôn cả chân dung của chính mình.

Angkor Wat, đầu tiên được đặt tên là Vrah Vishnulok - tên nơi cư trú thiêng liêng của Thần Vishnu. Angkor Wat là một kiến trúc tôn giáo lớn nhất thế giới, không chỉ có vẻ đẹp đồ sộ mà còn được trang trí với tượng và vô số chạm trổ thắp tỉ mỉ. Angkor Wat cất theo lối kim tự tháp, thể hiện một vũ trụ thu nhỏ theo giáo lý Bà La Môn, có năm tháp hình hoa sen, tháp chánh ở lớp cuối. Toàn thể đền được cất bằng cách chồng các tầng đá lớn lên nhau, không dùng xi-măng hay chất hồ nào cả. Bốn bên đền Angkor Wat được bao bọc bởi một cái hào rộng 190 m. Trong mùa mưa, nước của hào phản chiếu nét đẹp hùng tráng của đền. Một người nhân viên ở đây nói với tôi

rằng, "Hồi xưa và vẫn còn áp dụng đến nay, mỗi người dân Cambodge bắt buộc phải đến viếng đền Angkor Wat, ít nhất là một lần trong đời."

Cửa chánh hướng Tây có một lối vào cất bằng đá tảng, dài khoảng 400 m, bề ngang 10 m. Đi qua một cổng lớn về hướng Đông sẽ qua một khoảnh vườn và vài kiến trúc nhỏ. Kế đó là tháp chánh, biểu tượng cho núi Meru, có chiều dài khoảng 200 m, chiều cao khoảng 70 m. Khoảng cách từ lối vào cho đến tháp chánh phù hợp tuyệt hảo đối với nguyên tắc về khoảng cách, tức là lối vào dài gấp đôi chiều dài của đền. Để ngắm toàn cảnh đền cho đúng cách, người ta phải đứng ngay ở lối vào và nên thức dậy từ 4:00 AM cho kịp đi từ Siem Reap vào Angkor Wat đúng lúc mặt trời vừa mới mọc để thấy cảnh mặt trời lú lên đúng ngay đỉnh của ngôi đền trung tâm, một cảnh tượng kỳ thú không sao mô tả được! Sau đó, đi qua xem thành phố Angkor Thom vào buổi sáng và trở lại xem Angkor Wat sau 2 P.M. vì vào buổi sáng, ánh sáng bị phản chiếu sẽ làm khung cảnh trong Angkor Wat trở nên tối tăm. Một câu hỏi khá kỳ quái nhưng tôi cũng viết ở đây, đó là *Angkor Wat là lăng mộ hay đền đài?*

Trong cuốn *Guide to Angkor*, Henri Parmentier viết¹⁵:

"Trái với hầu hết các đền đài đều quay về hướng Đông, đền Angkor Wat nằm dài từ hướng Tây tới hướng Đông, sự hoán chuyển vị trí này được giải thích chắc chắn bằng sự kiện nó là một lăng mộ."

Angkor Wat có hai cổng vào ở hướng Đông và Tây nên trong cuốn *Lost Cities of Asia*, Win Swaan viết:

"Nhiều đền đài Khmer có vẻ như đáp ứng cả hai nhiệm vụ: vừa là đền, vừa là lăng mộ, thí dụ như ở Angkor Wat, khi quay về hướng Đông là biểu tượng cho nguồn sinh lực của cuộc sống và quay về hướng Tây thể hiện cho việc mặt trời lặn, âm u và tử vong."

Vài tác giả bàn rằng người ta phải đi hết một vòng tròn, giữ theo hướng tay phải từ bên ngoài cổng Tây vào và đi ngược chiều kim đồng hồ để xem các chạm trổ tháp của Angkor Wat, tức là đi theo hướng tang lễ. Vì thế, họ kết luận Angkor Wat là một lăng mộ. Lý luận này có chỗ không hẳn đúng, bởi vì cách duy nhất để xem các chạm trổ tháp Angkor Wat là bắt buộc phải đi ngược chiều kim đồng hồ do cách viết chữ và tạc hình trên tường bắt đầu từ trái qua phải. Thí dụ, để xem một chạm trổ dài 60 m, người ta buộc phải đi theo chiều ngược kim đồng hồ. Donatella Mazzeo và Chiara Silvi Antonini đã quan sát đúng như sau¹⁶:

"Vào thời điểm chuẩn bị cất núi-đền đài, (vua) Suryavarman II chạm phải một khó khăn: tìm một địa điểm rộng lớn đủ để có thể cất một công trình quan trọng thể hiện cho sự vĩ đại và nguyện vọng của mình. Cho dù hiện trạng sắp xếp của thành phố Angkor thế nào đi nữa, kể cả khu vực

¹⁵ The temple of Angkor Wat, contrary to most other monuments which face east, extends from west to east, this transposition is doubtless explained by the fact that it was a funeral temple.

¹⁶ At the time when he set about building his monumental temple-mountain Suryavarman II confronted a problem: the finding a site sufficiently vast to enable him to construct an edifice worthy of his greatness and his aspirations. Whatever the layout of the city of Angkor was at this time, including the area of ancient Yasodharapura and of the future Angkor Thom, the constructions of the 10th and 11th century occupied a considerable part of the available land. As a result, Suryavarman chose the southeast corner of Yasodharapura, a space evidently free of buildings of durable materials, yet one where he could take advantage of the network of canals laid out by Yasovarman for his capital

(thủ đô) Yasodharapura cũ và tương lai của Angkor Thom, thì các kiến trúc vào thế kỷ X và XI (trước đó) đã chiếm một phần lớn đất đai rồi. Do đó, Suryavarman chọn góc Đông Nam của Yasodhapura, tức là một khu chưa có các kiến trúc cất bằng vật liệu bền bỉ, nhưng lại là một khu mà ông có thể lợi dụng được hệ thống kinh đào do Yasovarman thiết trí cho thủ đô của ông ấy."

Xét về địa thế, rõ ràng là chỉ có hướng Tây là hướng thuận tiện nhất để đi vào Angkor Wat. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng cần xét đến yếu tố tín ngưỡng mới là yếu tố quyết định nhất để trả lời câu hỏi *Angkor Wat là lăng mộ hay đền đài?* Thời đó, Bà La Môn giáo chiếm vị thế chế ngự trong nền văn minh Angkor mãi cho tới thế kỷ XV, mặc dù vẫn đôi khi có vài vị vua tôn sùng Phật giáo. Vua Suryavarman II (1113-1150), người cất Angkor Wat, là một tín đồ tôn thờ Thần Vishnu. Căn cứ theo truyền thống Bà La Môn, người ta **không bao giờ xây cất lăng mộ** bởi một lý do đơn giản là thi thể được *hỏa táng* và tro thì hoặc rải ra sông biển, hoặc bỏ vào một cái hũ để thờ. Triết lý Bà La Môn đằng sau việc hỏa táng là thân thể là nơi linh hồn tạm trú và được cấu tạo bởi năm chất: Đất, Nước, Không Khí, Không Gian và Lửa; đến lúc chết thì hoàn trả lại năm chất này. Tại sông Hằng, Ấn Độ, tập tục hỏa táng vẫn còn¹⁷:

Theo tín ngưỡng Hindu, tắm trên sông Hằng được xem là gột rửa mọi tội lỗi, và nước sông được sử dụng rộng rãi trong các nghi lễ thờ cúng. Uống nước sông Hằng trước khi chết là một điềm lành và nhiều người Hindu đã yêu cầu được hỏa thiêu dọc hai bên sông Hằng và lấy tro thiêu của họ rải lên dòng sông.

Kể từ thập niên 1950, dân số và ngành công nghiệp dọc theo các sông Hằng và sông Hugli đã nhanh chóng phát triển và nước thải công nghiệp và dân cư đã được đổ thẳng vào sông với số lượng khổng lồ. Ngoài ra, do tầm quan trọng về tôn giáo của sông Hằng, những người Hindu thường hỏa thiêu hai bên bờ sông và rắc tro và than xuống dòng sông, điều này thường được thực hiện ở Varanasi. Tất cả những điều này đã cùng nhau gây ô nhiễm dòng nước sông Hằng đến mức việc tắm và uống nước sông Hằng đang trở nên nguy hiểm. Năm 1986, chính phủ Ấn Độ đã phát động một Kế hoạch Hành động sông Hằng, một chương trình giảm ô nhiễm cho sông Hằng ở 40 thành phố ở các bang Uttar Pradesh, Bihar, và Tây Bengal. Theo kế hoạch này, nước thải được chặn lại đưa qua các nhà máy xử lý. Các lò thiêu điện cũng được xây dựng và nhiều khu vực hai bên bờ sông đã được quy hoạch lại.

Thực ra, Chân Lạp và các nước chịu ảnh hưởng văn minh Ấn Độ hoàn toàn không theo phong tục dùng hòm chôn người chết (*địa táng*). Vào giai đoạn Angkor, có lẽ chỉ có vua hoặc nhà giàu mới hỏa táng, còn đại đa số thì vất thi thể cho chim, chó ăn. Chu Đạt Quan ghi rõ¹⁸:

¹⁷ Wikipedia, the free encyclopedia

¹⁸ Chu Đạt Quan, *Chân Lạp Phong Thổ Ký*, mục "Tứ Vong":

Nhân tử vô quan, chỉ dĩ tịch chi loại, cái chi dĩ bỏ. Kì xuất tang dã, tiền diệc dụng kì xí cỗ nhạc chi chúc, hựu dĩ lưỡng bản sao mẽ, nhiều lộ phao tát. Đài chí thành ngoại tịch viễn vô nhân chi địa, khí trịch nhi khứ. Sĩ hữu ưng khuyến sức loại lai thực, khoảnh khắc nhi tận, tắc vị phụ mẫu hữu phúc, cố hoạch thử báo, nhược bất thực, hoặc thực nhi bất tận, phản vị phụ mẫu hữu tội, nhi chí thử kim. Diệc tiệm hữu phần giả, vãng vãng giai đường nhân chi đi chúng dã. Phụ mẫu tử, biệt vô phục chế, nam tử tắc khôn kì phát, nữ tử tắc ư tai môn tiền phát tự tiền đại, dĩ thử vi hiệu nhĩ. Quốc chủ nhưng hữu tháp táng mai, đăn bất tri táng thân dữ táng cốt nhĩ.

人死無棺，止以席之類，蓋之以布。其出喪也，前亦用旗幟鼓樂之屬，又以兩杵炒米，繞路拋撒。擡至城外僻遠無人之地，棄擲而去。俟有鷹犬畜類來食，頃刻而盡，則謂父母有福，故獲此報；若不食，或食而不盡

Người chết không có hòm, chỉ lấy các loại chiếu trùm lên làm vải bọc. Khi hết tang, trước hết dùng cờ xí, trống nhạc, lại lấy hai mâm gạo rang ném vòng quanh đường sá. Khiêng thây ra ngoài thành, đến chỗ hoang vu, không có người léo hánh thì ném xuống, và bỏ đi về. Đợi có các loại chim ưng, chó đến ăn, nếu trong chốc lát bị ăn hết thì bảo rằng cha mẹ có phước, cho nên sẽ nhận được báo đáp, nếu không ăn, hoặc ăn không hết, sẽ suy xét rằng cha mẹ có tội mãi đến lúc này đây. Dần dần có người đem thiêu đốt, thường thường họ đều là con cháu của người Đường. Khi cha mẹ chết, không có làm lễ mặc áo tang, nam nữ cắt tóc, con gái thì dùng kéo cắt tóc ở trước trán và má ở hai bên mặt, lấy đũa mà bày tỏ lòng hiếu thảo vậy. Vua thì luôn luôn chôn cất, nhưng tôi không biết chôn thi thể hay chôn xương.

Tập tục *thiên táng* nêu trên rất phổ biến ở các bộ lạc vùng Tây Bắc Trung quốc như: Mông Cổ, Hung Nô, Tây Khương, Đột Quyết, Khất Đan, v.v., trong niềm tin rằng khi chết, người ta phải trả lại da thịt cho thế gian để được lên Trời:

Hàng ngàn năm nay ở Olôn khi có người chết, người ta cởi bỏ quần áo người quá cố rồi dùng tấm cuộn lại, buộc chặt, cũng có người để nguyên quần áo đang mặc rồi dựng đứng trên xe bò, buộc ngang hai đầu càng xe một thanh gỗ. Vào giờ Dần hai bậc đàn anh của người chết mỗi người cầm một đầu thanh gỗ rồi lên ngựa phi tới bãi thiên táng, cái xác rơi xuống chỗ nào thì chỗ ấy là địa điểm thiên táng, kết thúc cuộc đời gian truân của một thành viên bộ tộc trên lưng ngựa. Nếu thi thể cuộn trong tấm thì hai vị huynh trưởng xuống ngựa mở tấm thảm ra, đặt người chết trên bãi cỏ, tênh hênh như khi lọt lòng mẹ. Từ lúc này trở đi, người chết thuộc về sói, về thần linh. Còn như người chết có về Trời được không, còn phải xem sinh thời người ấy thiện hay ác. Nói chung, chỉ ba ngày sau là biết. Nếu sau ba ngày, cái xác chỉ còn lại ít xương thì có nghĩa là người chết đã lên Trời; nếu sau ba ngày, người chết vẫn còn nguyên thì đúng là thảm họa. Nói vậy thôi, Olôn nhiều sói, Trần Trận nghe nói, chưa có người chết nào không được lên Trời.

Trần Trận có biết tục thiên táng của Tây Tạng, còn của Mông Cổ thì trước khi đến thảo nguyên Olôn cậu chưa nghe nói do sói đảm nhiệm, mà vẫn tưởng do chim kên kên.¹⁹

Các chạm trở thấp ở Angkor Wat

Trên các vách tường Angkor Wat có các chạm trở tí mỉ, tranh cao khoảng 1.5 m và dài cả mấy chục mét. Tường hướng Nam khắc vương quốc của vua Yama, Thần Chết. Tường hướng Đông là một cảnh dài 45 m mô tả huyền thoại *Quây Biển SỮA Tìm Thuốc Trường Sinh*²⁰ trong thiên trường sử thi *Mahabharata*. Tường hướng Bắc chạm trở "các sinh hoạt trong ngày của các thần."

，反謂父母有罪，而至此今。亦漸有焚者，往往皆唐人之遺種也。父母死，別無服制，男子則髡其髮，女子則於〈恩頁〉門翦髮似錢大，以此為孝耳。國主仍有塔葬埋，但不知葬身與葬骨耳。

¹⁹ Khương Nhung, *Tôtem Sói - Wolf Totem*, Trần Đình Hiến dịch, NXB Công An Nhân Dân, 2007, p. 55

²⁰ *Huyền thoại Quây Biển SỮA Kiếm Thuốc Trường Sinh*:

Các thần (Devas) và quỷ (Asuras) biết có loại thuốc (Amrita) mà uống vào thì được trường sinh bất tử. Thuốc này bị giấu sâu dưới đáy Biển SỮA. Do khát vọng tìm thuốc, các thần và quỷ tạm thời hợp tác với nhau vét nước trong biển lên để kiếm thuốc trường sinh. Tại núi Mandara nằm giữa Biển SỮA, cả hai phe ôm chặt vua rắn Vasuki đang quấn quanh núi - các thần nắm phần đuôi và quỷ nắm phần đầu, dùng rắn như là một sợi dây, rồi thay phiên kéo rắn theo hai chiều trái ngược nhau khiến quả núi quay theo để quây nước biển lên. Nói rõ hơn, trong khi các thần nghĩ thì quỷ

Tường hướng Tây khắc trận đánh huyền thoại Kuru, cuộc diễn hành lịch sử của quân đội Suryavarman II chống lại người Chiêm Thành. Có người có trí tưởng tượng phong phú để phỏng đoán rằng sự sắp xếp các cảnh trên liên quan đến bốn mùa: cảnh ở tường Đông là biểu tượng cho sự hồi phục mùa Xuân, "các sinh hoạt trong ngày của các thần" là mùa Hè, trận chiến vĩ đại ở tường Tây có thể chỉ sự tàn tạ của mùa Thu, và gương mặt của Yama biểu hiện cho sự yên ngủ, tức là mùa Đông.

Ngày nay hình Angkor Vat được chọn làm lá cờ của quốc gia Cambodge, biểu tượng cho dân tộc Khmer và quá khứ huy hoàng của họ. Từ tháng 12, 1992, Angkor Vat và các đền đài Angkor khác được UNESCO sắp loại là "Di sản Thế giới."

7. Công việc phục hồi đền đài ở Siem Reap

Tài liệu đầu tiên được biết đến về các đền đài Angkor là cuốn *Chân Lạp Phong Thổ Ký* của Chu Đạt Quan. Sau đó, do bị Xiêm La tấn công nên dời đô về Phnom Penh, các đền đài Angkor bị bỏ và trở nên phế tích. Cả vùng khảo cổ Angkor bị hoang phế mãi cho đến năm 1860, nhờ nhà tự nhiên học người Pháp tên là Henri Mouhot, nên thế giới bắt đầu chú ý. Tiếp theo là một loạt nhiều nhà học giả và khảo cổ đào sâu nghiên cứu về nền văn minh Angkor với các đền đài tại Siem Reap.

Sau năm 1979, chính phủ Cambodge kêu gọi quốc tế giúp trùng tu các đền đài Angkor. Tổ chức Giám Định Khảo Cổ Ấn Độ (*Archaeological Survey of India - ASI*) đã đáp ứng ngay lập tức. ASI có điều kiện rất thuận lợi trong việc phục hồi Angkor Wat bởi vì họ rành rẽ các quan điểm triết lý, kiến trúc, văn hóa của các đền đài Angkor - nếu không muốn nói họ chính là *cha đẻ* các kiến trúc này. Ngoài ra, với kinh nghiệm và chuyên môn sẵn có từ các vụ trùng tu, khảo cổ nơi chính Ấn Độ, ASI là một hỗ trợ rất quan trọng cho Cambodge.

Tuy nhiên, đóng góp lâu dài và quan trọng nhất là công việc của Hội *École Française d'Extrême Orient*. Năm 1898 Toàn quyền Paul Doumer thành lập *École Française d'Extrême Orient*, trực thuộc *Académie des Inscriptions et Belles-Lettres*, với sứ mạng nghiên cứu nền văn minh Angkor một cách khoa học dựa trên quan điểm lịch sử, đền đài và ngữ học của các nước Ấn-Trung, mà cụ thể là bảo vệ khu khảo cổ Angkor và thống kê tất cả đền đài trong khu này. Từ năm 1907 đến 1970, *École Française d'Extrême-Orient* đảm nhận việc phục hồi Angkor. Sau 1970, công tác bị gián đoạn nhưng sau đó, đã tiếp tục cho đến nay. Năm 1993 công tác trùng tu các đền đài Angkor có sự cộng tác của Pháp, Nhật Bản và UNESCO qua tổ chức ICC (*International Co-ordinating Committee on the Safeguarding and Development of the Historic Site of Angkor*). Về phía Cambodge thì có tổ chức APSARA (*Authority for the Protection and Management of Angkor and the Region of Siem Reap*), thành lập năm 1995.

Từ hơn 100 năm trở lại đây, các học giả và viên chức Pháp đều đã đóng góp nhiều bài nghiên cứu có giá trị như: Georges Cœdès, Finot, Foucher, Georges Groslier, Philippe Stern, Mme. de Coral-

kéo phần đầu rắn khiến cho núi Mandara quay theo hướng kéo. Khi các quỷ nghi, thần kéo đuôi rắn theo hướng ngược lại - cứ thế mà luân phiên quây Biển Sứa. Nỗ lực này giúp quây được tới tận đáy biển, giết hại rất nhiều sinh vật nhưng nhờ vậy mà khám phá nhiều kho tàng quý báu như: nôi ra voi có ba đầu, thần sắc đẹp Lakshmi (sau là vợ của Thần Vishnu) và rất nhiều vũ nữ Apsaras. Cuối cùng, sau 1,000 năm quây phá Biển Sứa, thuốc trường sinh bắt từ Amrita hiện ra. Và ngay lúc đó, các quỷ chụp trước, các thần dành lại, họ quay lại đánh nhau để chiếm giữ thuốc trường sinh. Phe các thần thắng và uống thuốc trường sinh. Do đó, chỉ có các thần sống mãi để cai trị vũ trụ, trong khi các quỷ bắt buộc bỏ chạy vào bụng của trái đất và đáy biển sâu.

Remusat, v.v. Khi *École Française d'Extrême Orient* khởi sự công tác, tình trạng của các đền đài hết sức khó khăn vì bị bỏ hoang qua nhiều thế kỷ nên một số lớn đền đài bị sụp đổ, cỏ cây mọc um tùm khắp nơi. Chưa nói đến việc trùng tu lại đền đài, chỉ riêng việc khai quang, chống cây để tạm ngăn chặn sự sụp đổ đã là một công tác rất khó khăn. Nhưng rồi thì cũng xong, vấn đề chính là làm sao để tái xây dựng đền đài cho giống y như nguyên thủy. Người ta sử dụng một phương pháp gọi là *anastylosis*, nghĩa là thiết lập hoặc tái xây dựng đền đài bằng chính vật liệu của nó và theo đúng phương cách mà nó đã được xây dựng. Nhờ *anastylosis* nên việc thay thế các tảng đá bị vỡ, mất được dễ dàng mà vẫn giữ đúng nguyên trạng. Người Pháp đã thành công trong việc tái xây dựng các đền đài Banteay Srei, Prah Palilay, Banteay Samre, cổng Bắc và Nam của Angkor Thom, Bayon - tất cả đều ở trọng tình trạng gần sụp đổ trước khi được trùng tu.

Hiện nay, dưới con mắt của một du khách, tôi nhận thấy công việc phục hồi đền đài bị sạt lở đang được thực hiện cẩn thận: một số tảng đá được tháo ra, đánh số từng tảng để chờ ráp trở lại, và công nhân Cambodge ngày nay vẫn *đục đẽo đá* giống như tiền nhân của họ đã đục đẽo cách nay 600 năm.



Close-up of restoration works at an Angkor Thom temple